TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03/02/2026
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hiền
Ông Nguyễn Kim Đình
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị Cẩm V, Sinh năm 1991;
Số CCCD 049191011902; (Có mặt)
Bị đơn: Ông Bùi Kim Ph, Sinh năm 1989;
Số CCCD 049089003647; (Vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn Hòa Hữu T, xã Hà N, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Cẩm V trình bày: Bà và ông Bùi Kim Ph tự nguyện tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (nay UBND xã Hà N, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124, Quyển số 02/2011, ngày 05/12/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, cả hai không còn sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà V được ly hôn ông Bùi Kim Ph.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Bùi Lương Quỳnh Nh, sinh ngày 08/8/2012 và cháu Bùi Lương Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Nh và A và yêu cầu ông Bùi Kim Ph cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/tháng cho cháu Bùi Lương Quỳnh A cho đến khi cháu A đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung: Vợ chồng không có về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Kim Ph vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông nhiều lần nhưng ông vẫn không có mặt, do đó Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, nơi cư trú và tại nhà ông Ph và tống đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014, Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lương Thị Cẩm V về việc xin ly hôn ông Bùi Kim Ph.

Về con chung: Giao các cháu Bùi Lương Quỳnh Nh, sinh ngày 08/8/2012 và cháu Bùi Lương Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014 cho bà Lương Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng đến tối trưởng thành (đủ 18 tuổi)

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Lương Thị Cẩm V yêu cầu ly hôn ông Bùi Kim Ph, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Bùi Kim Ph có nơi cư trú tại thôn Hòa Hữu T, xã Hà N, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đà Nẵng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Bùi Kim Ph đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Toà án xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 19/01/2026 nguyên đơn bà Lương Thị Cẩm V có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu là tự nguyện Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 124, Quyển số 02/2011, ngày 05/12/2011 của Uỷ ban nhân dân xã Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (Nay là UBND xã Hà N, thành phố Đà Nẵng) có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Lương Thị Cẩm V và ông Bùi Kim Ph là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Lương Thị Cẩm V trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả, cả hai không còn sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để động viên vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng bà V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa ông Ph không hợp tác làm việc. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bàn V và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông Ph là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà V được ly hôn với ông Ph.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu Bùi Lương Quỳnh Nh, sinh ngày 08/8/2012 và cháu Bùi Lương Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014. Khi ly hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu Nh và A.

Xét yêu cầu nuôi con của đương sự thì thấy: Hiện nay bà V và ông Ph có hai con chung, các con chung hiện đang sống cùng bà V, các con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành ổn định và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho các con, Hội đồng xét xử thống nhất giao các con Bùi Lương Quỳnh Nh, sinh ngày 08/8/2012 và cháu Bùi Lương Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014 cho bà Lương Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lương Thị Cẩm V không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Bùi Kim Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Cẩm V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Lương Thị Cẩm V phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lương Thị Cẩm V

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Cẩm V được ly hôn với ông Bùi Kim Ph. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124, Quyển số 02/2011, ngày 05/12/2011 của Uỷ ban nhân dân xã Đại H, huyện Đại L, tỉnh Quảng Nam (Nay là UBND xã Hà N, thành phố Đà Nẵng) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao các con Bùi Lương Quỳnh Nh, sinh ngày 08/8/2012 và cháu Bùi Lương Quỳnh A, sinh ngày 20/11/2014 cho bà Lương Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng đế tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Bùi Kim Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì bà Lương Thị Cẩm V không yêu cầu.

Bà Lương Thị Cẩm V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đối với ông Bùi Kim Ph.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị Cẩm V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Cẩm V nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005971 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà V đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Nam Trung

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 11- Đà Nẵng*
- *TAND thành phố Đà Nẵng*
- *THADS thành phố Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ vụ án*